

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2020

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Quen

2. Bà Trần Lệ Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐHPT-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm B, Phường C, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13-7-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Trần Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện chung sống từ năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông và bà H chung sống đến đầu năm 2020 thì bất bầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong công việc gia đình, bà H không bàn bạc với ông mà tự quyết định tất cả. Từ nhiều mâu thuẫn như vậy nên ông và bà H thường cự cãi với nhau. Ông và bà H không còn chung sống từ tháng 5/2020 đến nay. Ông nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với bà H được nữa nên yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị Mỹ H.

- Về con chung: Ông C khai ông và bà H không có con.

- Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông C khai ông và bà H không có nợ chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bà H không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà H cũng được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai, chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng bà H vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trần Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Mỹ H. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H có nơi cư trú tại Khóm B, Phường C, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bà Nguyễn Thị Mỹ H là bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Bà Nguyễn Thị Mỹ H cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của nguyên đơn và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ H chung sống từ năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định như sau: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” và “*Trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật này...*”. Mặc dù bà Nguyễn Thị Mỹ H không có ý kiến là đồng ý hay không đồng ý ly hôn ông Trần Văn C nhưng thực tế ông bà cũng đã xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại, ông C và bà H đã ly thân từ tháng 5/2020 đến nay. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông C vẫn cương quyết muốn ly hôn bà H. Ông C không đồng ý rút lại đơn khởi kiện. Còn bà H thì vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến Tòa. Vì vậy, khả năng ông bà đoàn tụ tiếp tục chung sống là khó thực hiện

được. Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ H.

[5] Về con chung: Ông C và bà H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung; bà H chưa có ý kiến về chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: : Ông C khai không có nợ chung với bà H; bà H chưa có ý kiến về nợ chung với ông C nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn...*”. Vì vậy, ông Trần Văn C phải chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ H.

2. Về con chung: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ H không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Trần Văn C không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung; bà Nguyễn Thị Mỹ H chưa có ý kiến về chia tài sản chung nên ghi nhận và không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, nếu ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ H có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời gian chung sống thì ông

C hoặc bà H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: : Ông Trần Văn C khai không có nợ chung với bà H; bà Nguyễn Thị Mỹ H chưa có ý kiến về nợ chung với ông C nên ghi nhận và không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc ông Trần Văn C phải chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số:0001981 ngày 13-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, ông Trần Văn C đã nộp xong án phí. Bà Nguyễn Thị Mỹ H không phải chịu án phí.

6. Nguyên đơn ông Trần Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh